



HỌC VIỆN NGOẠI GIAO KHOA LUẬT QUỐC TẾ

CỬ NHÂN LUẬT QUỐC TẾ

Khoa Luật quốc tế

Phòng: D609 – D614

Email: khoaluatquocite@dav.edu.vn

MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Luật quốc tế được xây dựng theo định hướng nghề nghiệp, nhằm cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu xã hội trong lĩnh vực luật quốc tế (và pháp luật nói chung), chú trọng nâng cao năng lực nghề nghiệp, khả năng thích ứng trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng.

Chương trình hướng tới đào tạo sinh viên có nền tảng kiến thức vững chắc và chuyên sâu về luật quốc tế và pháp luật Việt Nam để làm việc trong các lĩnh vực liên quan. Sinh viên được trang bị đầy đủ kỹ năng chung và kỹ năng nghề nghiệp pháp lý, năng lực công nghệ thông tin cùng với khả năng tự học để làm việc trong các lĩnh vực pháp lý và phát triển nghề nghiệp lâu dài, cũng như nuôi dưỡng tinh thần học tập suốt đời. Ngoài ra, sinh viên cũng được đào tạo để sử dụng thành thạo ít nhất một ngoại ngữ nhằm làm việc trong môi trường quốc tế. Chương trình đề cao việc bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp và tinh thần trách nhiệm xã hội.

CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo cử nhân ngành luật quốc tế, sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra (CDR) sau đây:

Mã CDR	Nội dung CDR	Trình độ năng lực
Kiến thức (dựa trên thang đo Bloom: 1-Ghi nhớ; 2-Hiểu; 3-Áp dụng; 4-Phân tích; 5-Đánh giá; 6-Sáng tạo)		
PLO1	Hiểu được nền tảng về triết học, kinh tế chính trị, xã hội học, pháp luật, đường lối của Đảng, an ninh quốc phòng, làm cơ sở hình thành thế giới quan khoa học và phương pháp phân tích các vấn đề quốc tế, quốc nội và pháp lý.	2/6
PLO2	Vận dụng kiến thức về quan hệ quốc tế, bao gồm chính trị quốc tế, kinh tế quốc tế và truyền thông quốc tế, nhằm phát triển cách tiếp cận liên ngành và xuyên ngành trong nhận diện và xử lý các vấn đề pháp lý.	3/6
PLO3	Phân tích các vấn đề pháp lý phát sinh từ quan hệ giữa các quốc gia, tổ chức quốc tế và các chủ thể khác của quan hệ quốc tế dưới góc độ luật quốc tế, như ký kết và thực thi điều ước, hoạt động trên biển, xung đột, thương mại quốc tế.	4/6
PLO4	Vận dụng các quy định của pháp luật Việt Nam để giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh từ quan hệ giữa thể nhân, pháp nhân và các chủ thể pháp lý khác theo pháp luật Việt Nam, như các vấn đề về hiến pháp, hợp đồng, doanh nghiệp, sở hữu trí tuệ.	3/6
PLO5	Phân tích các vấn đề pháp lý phát sinh từ hoạt động xuyên biên giới giữa các chủ thể tư có yếu tố nước ngoài, như xung đột pháp luật và xung đột thẩm quyền.	4/6
Kỹ năng (dựa trên thang đo Dave: 1-Mô phỏng; 2-Thao tác; 3-Thuần thục; 4-Phối hợp; 5-Tự động hoá)		
PLO6	Thành thạo các kỹ năng nghiên cứu và tư vấn pháp lý về các vấn đề thuộc luật quốc tế và pháp luật Việt Nam, bao gồm kỹ năng phân tích tình huống thực tế, nhận diện vấn đề pháp lý, tra cứu văn bản pháp luật, diễn giải và áp dụng quy định pháp luật, xây dựng lập luận pháp lý và soạn thảo văn bản pháp lý chuyên nghiệp.	4/5
PLO7	Thể hiện các kỹ năng lập luận, tư duy phản biện, kỹ năng viết, trình bày, giao tiếp và làm việc nhóm; khả năng thích ứng, cởi mở với ý tưởng mới và hòa nhập trong môi trường đa văn hóa.	3/5
PLO8	Phát triển kỹ năng đàm phán, ký kết, tổ chức thực hiện và giải quyết tranh chấp liên quan tới các bên trong quan hệ điều ước và hợp đồng.	3/5
PLO9	Tích hợp năng lực ngoại ngữ (tối thiểu bậc B2 theo Khung tham chiếu châu Âu hoặc tương đương) trong việc đọc, dịch, tổng hợp thông tin, viết báo cáo và trình bày kiến thức chuyên môn về luật quốc tế.	4/5

PLO10	Thể hiện năng lực số ở mức độ đáp ứng yêu cầu khai thác hiệu quả công nghệ thông tin như AI nhằm nâng cao hiệu quả học tập và làm việc.	3/5
Tự chủ và chịu trách nhiệm <i>(dựa trên thang đo Krathwol: 1-Tiếp nhận; 2-Đáp ứng; 3-Giá trị hoá; 4-Hệ thống hóa; 5-Đặc trưng hóa)</i>		
PLO11	Hình thành đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực luật quốc tế; tôn trọng pháp luật, quyền con người và quyền công dân; có ý thức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm công dân và tinh thần hợp tác.	4/5
PLO12	Vận dụng khả năng tự học và học tập suốt đời thông qua tự nghiên cứu và chủ động tích lũy kinh nghiệm để không ngừng nâng cao năng lực chuyên môn và khả năng thích ứng trong các môi trường làm việc đa dạng.	4/5

CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Cấu trúc chương trình

STT	Nội dung	Tổng số tín chỉ	Số tín chỉ bắt buộc	Số tín chỉ tự chọn
1	Khối kiến thức giáo dục đại cương	13	13	
2	Kiến thức ngoại ngữ	24	15	09
3	Khối kiến thức bổ trợ	09		09
4	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và kỹ năng	69	40	29
	- Kiến thức cơ sở khối ngành	06	06	
	- Kiến thức cơ sở ngành	34	25	09
	- Kiến thức chuyên ngành	21	09	12
	- Học phần kỹ năng	08		08
5	Kiến thức hướng nghiệp và tốt nghiệp	12	12	
Total of credits		127	80	47

2. Nội dung chương trình

2.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương: 13 tín chỉ*

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ
1	Triết học Mác – Lênin	FC.001.03	03	Tiếng Việt
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	FC.002.02	02	Tiếng Việt
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	FC.003.02	02	Tiếng Việt
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	FC.004.02	02	Tiếng Việt
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	FC.005.02	02	Tiếng Việt

6	Phương pháp nghiên cứu khoa học	IL.001.02	02	Tiếng Việt
7	Năng lực số*	IT.002.02	02	Tiếng Việt
8	Giáo dục thể chất*	AAD.001.03	03	Tiếng Việt
9	Giáo dục quốc phòng an ninh*	AAD.002.08	08	Tiếng Việt

* Không bao gồm số tín chỉ của học phần Năng lực số, Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng an ninh.

2.2. Khối kiến thức ngoại ngữ: 24 tín chỉ

Sinh viên được học theo trình độ phù hợp (sơ cấp, trung cấp hoặc nâng cao) và được lựa chọn (có điều kiện*) học 01 ngoại ngữ (ngoại ngữ I: 24 tín chỉ) hoặc 02 ngoại ngữ (ngoại ngữ I: 15 tín chỉ và ngoại ngữ II: 9 tín chỉ).

STT	Tên học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy
1	Ngoại ngữ I	24 hoặc 15	Ngoại ngữ I
2	Ngoại ngữ II	0 hoặc 09	Ngoại ngữ II
- Đối với Ngoại ngữ I, sinh viên lựa chọn học 1 trong 5 ngoại ngữ: tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, tiếng Pháp, tiếng Nhật, tiếng Hàn. Đối với Ngoại ngữ II, sinh có thể lựa chọn 1 trong các ngoại ngữ: tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, tiếng Pháp, tiếng Nhật, tiếng Hàn, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Đức. (*) Chỉ sinh viên có trình độ ngoại ngữ chính (Ngoại ngữ I) từ trung cấp trở lên mới được lựa chọn học thêm ngoại ngữ thứ II. Sinh viên có trình độ sơ cấp phải học đủ 24 tín chỉ ngoại ngữ I.			

(Xem thêm phụ lục Chương trình khung giảng dạy ngoại ngữ).

2.3. Khối kiến thức bổ trợ: 09 tín chỉ

Sinh viên chọn 03 học phần trong số các học phần sau. Các học phần bổ trợ phải được hoàn thành trước khi kết thúc học kỳ VII.

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ
1	Công tác ngoại giao	IR.025.03	03	Tiếng Việt
2	Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại	IR.005.03	03	Tiếng Việt
3	Chính sách đối ngoại Việt Nam	IR.046.03	03	Tiếng Việt
4	Đại cương truyền thông quốc tế	IC.061.03	03	Tiếng Việt
5	Ngoại giao văn hoá	IC.010.03	03	Tiếng Việt
6	Quan hệ kinh tế quốc tế	IE.006.03	03	Tiếng Việt
7	Kinh doanh quốc tế	IE.042.03	03	Tiếng Việt
8	Giao tiếp liên văn hoá	E.035.03	03	Tiếng Việt

2.4. Khối kiến thức chuyên nghiệp và kỹ năng: 69 tín chỉ

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ
a. Khối kiến thức cơ sở khối ngành: 06 tín chỉ				
1	Lý luận về pháp luật và hệ thống pháp luật Việt Nam	IL.002.03	03	Tiếng Việt
2	Luật Hiến pháp Việt Nam và các nước	IL.003.03	03	Tiếng Việt
b. Foundational professional knowledge: 34 credit points				
<i>Students are required to complete 34 credits of general professional knowledge courses, including 25 compulsory credits (09 courses) and 09 elective credits (03 courses)</i>				
Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc: 25 tín chỉ				
1	Công pháp quốc tế I	IL.056.03	03	Tiếng Việt/Anh
2	Công pháp quốc tế II	IL.057.02	02	Tiếng Việt/Anh
3	Tư pháp quốc tế	IL.004.03	03	Tiếng Việt/Anh
4	Luật kinh tế quốc tế	IL.007.03	03	Tiếng Việt/Anh
5	Luật dân sự Việt Nam I	IL.058.02	02	Tiếng Việt
6	Luật dân sự Việt Nam II	IL.059.03	03	Tiếng Việt
7	Luật thương mại Việt Nam	IL.015.03	03	Tiếng Việt
8	Luật hình sự Việt Nam	IL.011.03	03	Tiếng Việt
9	Luật hành chính Việt Nam	IL.018.03	03	Tiếng Việt
Kiến thức cơ sở ngành tự chọn: 09 tín chỉ				
1	Luật hợp đồng Việt Nam	IL.012.03	03	Tiếng Việt
2	Luật doanh nghiệp Việt Nam	IL.013.03	03	Tiếng Việt
3	Luật đầu tư Việt Nam	IL.014.03	03	Tiếng Việt
4	Luật sở hữu trí tuệ Việt Nam	IL.016.03	03	Tiếng Việt
5	Luật lao động Việt Nam	IL.017.03	03	Tiếng Việt
6	Luật tổ tụng dân sự Việt Nam	IL.010.03	03	Tiếng Việt
7	Luật so sánh	IL.006.03	03	Tiếng Việt
8	Luật môi trường Việt Nam	IL.053.03	03	Tiếng Việt
c. Kiến thức chuyên ngành Luật quốc tế bắt buộc: 09 tín chỉ				
1	Nguồn của luật quốc tế	IL.048.03	03	Tiếng Việt/Anh
2	Luật biển quốc tế	IL.025.03	03	Tiếng Việt/Anh
3	Giải quyết tranh chấp quốc tế	IL.027.03	03	Tiếng Việt/Anh
d. Kiến thức chuyên ngành Luật quốc tế tự chọn: 12 tín chỉ				
<i>Sinh viên cần lựa chọn 04 học phần để hoàn thành 12 tín chỉ trong các học phần dưới đây. Cố vấn học tập và giảng viên chủ nhiệm khóa sẽ hướng dẫn sinh viên lựa chọn các học phần phù hợp.</i>				

Các học phần tự chọn có thể được điều chỉnh và bổ sung trên cơ sở nhu cầu của sinh viên, xã hội và tình hình nhân sự thực tế của Khoa.

1	Luật nhân quyền quốc tế	IL.023.03	03	Tiếng Việt/Anh
2	Luật tổ chức quốc tế	IL.024.03	03	Tiếng Việt/Anh
3	Luật ngoại giao và lãnh sự	IL.028.03	03	Tiếng Việt/Anh
4	Luật môi trường quốc tế	IL.026.03	03	Tiếng Việt/Anh
5	Luật nguồn nước quốc tế và vấn đề Mê Công	IL.041.03	03	Tiếng Việt/Anh
6	Luật nhân đạo quốc tế	IL.043.03	03	Tiếng Việt/Anh
7	Luật hình sự quốc tế	IL.042.03	03	Tiếng Việt/Anh
8	Luật WTO	TL.022.03	03	Tiếng Việt/Anh
9	Luật đầu tư quốc tế	IL.029.03	03	Tiếng Việt/Anh
10	Luật sở hữu trí tuệ quốc tế	IL.031.03	03	Tiếng Việt/Anh
11	Trọng tài thương mại quốc tế	IL.032.03	03	Tiếng Việt/Anh
12	Luật kinh doanh quốc tế	IL.033.03	03	Tiếng Việt/Anh
13	Pháp luật Liên minh Châu Âu	IL.044.03	03	Tiếng Việt/Anh
14	Các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới	IL.045.03	03	Tiếng Việt/Anh
15	Luật quốc tế về biên giới – lãnh thổ	IL.060.03	03	Tiếng Việt/Anh
16	Pháp luật ASEAN	IL.061.03	03	Tiếng Việt/Anh

e. Khối học phần kỹ năng: 08 tín chỉ

Sinh viên cần lựa chọn 04 học phần để hoàn thành 08 tín chỉ trong các học phần dưới đây. Cố vấn học tập và giảng viên chủ nhiệm khóa sẽ hướng dẫn sinh viên lựa chọn các học phần phù hợp.

Các học phần tự chọn có thể được điều chỉnh và bổ sung trên cơ sở nhu cầu của sinh viên, xã hội và tình hình nhân sự thực tế của Khoa.

1	Kỹ năng tranh tụng và thực hành diễn án luật	IL.034.02	02	Tiếng Việt
2	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	IR.024.02	02	Tiếng Việt
3	Kỹ năng soạn thảo, đàm phán, ký kết và thực hiện điều ước quốc tế	IL.046.02	02	Tiếng Việt
4	Kỹ năng tư vấn pháp luật và hành nghề luật	IL.047.02	02	Tiếng Việt
5	Kỹ năng lập luận và viết pháp lý	IL.055.02	02	Tiếng Việt

2.5. Thực tập và tốt nghiệp: 12 tín chỉ**

STT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ
1	Hướng nghiệp	AAD.037.02	02	Tiếng Việt
2	Thực tập cuối khóa	IL.038.03	03	Tiếng Việt

Tuỳ theo kết quả học tập, năng lực của sinh viên và điều kiện về giảng viên hướng dẫn, sinh viên có thể làm khoá luận tốt nghiệp hoặc học các học phần sau đây:

3	- Khoá luận tốt nghiệp - Hoặc học và thi một số học phần chuyên ngành***	IL.039.12	12	Tiếng Việt/Anh
---	---	-----------	----	----------------

*** Không bao gồm số tín chỉ của học phần Hướng nghiệp và Thực tập cuối khóa.*

**** Sinh viên lựa chọn học phần trong số những học phần thuộc khối Kiến thức chuyên ngành tự chọn mà trước đó chưa học.*